

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: **66/2020/DS-PT**

Ngày: 28/5/2020

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lâm Ngọc Phượng

Các Thẩm phán: Ông Trần Minh Hải, bà Nguyễn Thị Minh Phượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vương Thị Hồng Nhớ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang: Ông Nguyễn Ngọc Bình - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26 và 28 tháng 5 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 32/2020/TLPT-DS ngày 30 tháng 01 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 393/2019/DS- ST ngày 14/11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 105/2020/QĐPT-DS ngày 23 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Ngọc Q, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: tổ 5, ấp B 1, xã P, huyện P, tỉnh An Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Q: Ông Trần Thanh P, sinh năm 1977, cư trú: ấp B1, xã B, huyện P, tỉnh An Giang. (Theo văn bản ủy quyền ngày 10/9/2019) (có mặt)

- Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1989 (có mặt)

Chị Trần Thị Bảo T, sinh năm 1992 (có mặt)

Ông Nguyễn Minh C, sinh năm 1949 (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 7, ấp H 3, xã H, huyện P, tỉnh An Giang.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C – Bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung án sơ thẩm

Nguyên đơn Trần Ngọc Q trình bày: Do quen biết, anh Q là đại lý bán thức ăn chăn nuôi cá, anh S, chị T và ông C có chăn nuôi cá hàm (ao), có mua thức ăn của cửa hàng anh Q nhiều lần (các lần giao thức ăn do anh S ký xác nhận), khi mua bán hai bên thỏa thuận khi giao hàng có tiền bấy nhiêu trả bấy nhiêu đến khi ông C, anh S bán cá thì sẽ thanh toán tiền cho anh Q, anh S và ông C đã bán cá nhiều đợt nhưng chỉ thanh toán tiền cho anh Q một phần, đến ngày 01/9/2019 hai bên kết sổ phía anh S và ông C còn nợ anh Q số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), có biên nhận nợ do anh S viết và ký tên. Nay yêu cầu ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T (vợ anh S) cùng có trách nhiệm liên đới trả cho anh Q số tiền 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) và yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, yêu cầu tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của anh S chị T để đảm bảo cho việc thi hành án.

Bị đơn ông Nguyễn Minh C trình bày: Trong năm 2018, 2019, ông có chăn nuôi cá, ông mua thức ăn thủy sản của anh Trần Ngọc Q là chủ cửa hàng làm nhiều đợt với phương thức thanh toán là khi mua và nhận thức ăn thì trả trước 50% giá trị, số còn lại thỏa thuận khi thu hoạch cá (bán cá) sẽ trả đủ, ông chăn nuôi cá tra thịt 03 hàm (ao), khi nào bán cá dứt điểm 03 hàm cá thì ông sẽ thanh toán đủ cho ông Q đến khi bán cá có trả cho anh Q 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng), còn nợ lại 1.000.000.000 đồng, ông và anh Q thỏa thuận với nhau khi con ông là Nguyễn Thanh S vay được tiền ngân hàng sẽ trả cho anh Q 400.000.000 đồng, còn lại 600.000.000 đồng khi nào bán cá tra thịt sẽ trả dứt, nhưng khi S và T làm thủ tục vay ngân hàng thì bị phong tỏa tài sản nên không vay được. Nay đồng ý tự chịu trách nhiệm trả số tiền nợ anh Q, Nguyễn Thanh S và Trần Thị Bảo T (vợ S) là con và con dâu sống cùng gia đình không liên đới cùng trả nợ với ông.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T trình bày: Anh, chị là con ruột và con dâu của ông Nguyễn Minh C, anh chị biết trong năm 2018, 2019 cha là ông C có chăn nuôi cá tra thịt tại xã H nên có mua thức ăn của cửa hàng anh Trần Ngọc Q. Đến khi thu hoạch cá do bị lỗi nên ông C còn

nợ ông Q số tiền 1.400.000.000 đồng, sau đó ông C có trả cho ông Q 02 lần (lần 1 trả 300.000.000 đồng và lần 2 trả 100.000.000 đồng), còn nợ lại 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng), việc mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa ông C và anh Q anh chị hoàn toàn không liên quan, còn việc ký nhận sổ khi giao nhận thức ăn là do ông C lớn tuổi nên nhờ anh S viết và ký sổ, còn biên nhận ngày 01/9/2019 anh S viết và ký tên do ông C lớn tuổi mắc mờ nên không viết chữ được, vì vậy ông C kêu anh (S) viết dùm biên nhận và được ông Q đồng ý để anh viết dùm và ký tên đưa cho anh Q giữ. Mặt khác tại biên bản ghi lời khai ngày 06/9/2019 anh, chị thừa nhận nợ là do anh Q và ông C thỏa thuận kêu chúng tôi thừa nhận nợ đi rút quyết định phong tỏa để được vay tiền và trả trước 400.000.000đ còn lại khi bán cá trả đủ, không tính lãi nên anh, chị mới thừa nhận. Nay anh chị không đồng ý cùng ông C trả cho anh Q 1.000.000.000đ và yêu cầu yêu cầu Tòa án hủy bỏ Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P về việc phong tỏa tài sản của vợ chồng anh chị.

Tại Bản án sơ thẩm số 393/2019/DS- ST ngày 14 /11/2019 của Toà án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc Q đối với ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T về hợp đồng mua bán tài sản.

- Buộc ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T cùng liên đới trả cho anh Trần Ngọc Q số tiền mua bán là 1.000.000.000đ và lãi chậm trả là 20.750.000 đồng, tổng cộng 1.020.750.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

- Duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T đến khi thi hành án xong cho anh Trần Ngọc Q.

- Hoàn trả tiền thực hiện biện pháp bảo đảm cho anh Trần Ngọc Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) theo biên lai thu ngày 03/9/2019 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh huyện P khi bản án có hiệu lực.

Án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 21/11/2019 anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C cùng có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét, cụ thể:

- Ông C yêu cầu:

+ S và T không có liên quan trong vụ án nên không có trách nhiệm cùng trả nợ với ông cho anh Q;

+ Theo hợp đồng mua bán giữa anh Q và ông thì mua tiền mặt giá khác, mua thiếu giá khác nhưng anh Q tính tiền theo giá mua thiếu ông không đồng ý.

- Anh S và chị T yêu cầu: Không đồng ý cùng ông C trả nợ cho anh Q và yêu cầu rút Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với diện tích đất 11.187m² và 8.729m² do vợ chồng anh chị đứng tên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, các bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về nội dung tranh chấp.

- Ông C trình bày: Việc nuôi cá và mua bán thức ăn do ông tự làm, các con ông chỉ phụ tiếp, không liên quan đến anh S, chị T.

- Anh S và chị T cùng trình bày: Chúng tôi không liên quan đến việc mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa cha và anh Q. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét loại trừ trách nhiệm liên đới và hủy quyết định kê biên tài sản để chúng tôi vay tiền ngân hàng làm ăn.

- Ông P, đại diện cho anh Q trình bày: Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giữ y bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang phát biểu:

+ Về thủ tục tố tụng, kháng cáo của các bị đơn anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C là phù hợp pháp luật; Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử. Các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật về tố tụng.

+ Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 393/2019/DS-ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P. Anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C chịu án phí phúc thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C kháng cáo trong hạn luật định và có đóng tạm ứng án phí đầy đủ nên được Hội đồng xét xử giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông C, anh S và chị T, thấy: Các ông bà đều thừa nhận còn nợ của anh Q 01 tỷ đồng, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ cũng như lời trình bày tại phiên tòa, việc mua bán thức ăn chăn nuôi cá giữa các bên diễn ra trong 02 năm, khi giao nhận thì anh S là người ký nhận hàng do anh Q giao, các lần trả tiền do ông C trả, kết toán sổ do anh S ký. Đối với các biên bản lấy lời khai của anh S và chị T vào ngày 06/9/2019 anh S, chị T cho rằng cùng nội dung lời khai, và biên bản ghi tên anh S thì do chị ký tên, biên bản ghi tên chị T thì do anh S ký là không có giá trị pháp lý; đây là sai sót của cấp trong sơ thẩm trong quá trình lấy lời khai của đương sự. Tuy nhiên với những chứng cứ được thể hiện trong hồ sơ vụ án, cấp sơ thẩm đã xem xét là có căn cứ. Việc anh S, chị T trình bày không liên quan đến việc ông C mua bán thức ăn thủy sản của anh Q, nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào khác để chứng minh loại trừ trách nhiệm liên đới cùng trả nợ cho anh Q; nên HĐXX cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu này.

Ngoài ra, số tiền hiện nay còn nợ là 01 tỷ đồng, đây là số tiền sau khi kết sổ và được các bên thừa nhận, nay ông C lại kháng cáo khai nại rằng theo hợp đồng mua bán giữa anh Q và ông thì mua tiền mặt giá khác, mua trả sau giá khác nhưng anh Q tính tiền theo giá mua trả sau, ông không đồng ý nhưng không chứng minh được. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc Q đối với ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T về hợp đồng mua bán tài sản. Buộc các đương sự cùng liên đới trả cho anh Trần Ngọc Q số tiền mua bán là 1.000.000.000đ và lãi chậm trả là 20.750.000 đồng, tổng cộng 1.020.750.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng) là có cơ sở.

[3] Bên cạnh đó, trách nhiệm trả nợ cho anh Q có anh S và chị T nên Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời bằng hình thức phong tỏa tài sản của anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T theo yêu cầu của nguyên đơn và duy trì quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T đến khi thi hành án xong cho anh Trần Ngọc Q là có căn cứ.

Tuy nhiên, tài sản bị phong tỏa là các quyền sử dụng đất diện tích 11.187m² và diện tích 8.729m² đều do anh S đứng tên trong khi đất này là tài sản chung với chị T.

Ngoài ra, đơn yêu cầu áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời ngày 03/9/2019 của ông Q chỉ yêu cầu phong tỏa tài sản của anh S và ông C và Tòa

án cấp sơ thẩm cũng không định giá để xác định tài sản cần phong tỏa trị giá bao nhiêu mà chỉ căn cứ vào đơn của ông Q để xác định là 1.2 tỷ đồng là chưa đủ căn cứ vi phạm khoản 4 Điều 133 Bộ luật Tố tụng Dân sự nên Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

Mặt khác, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên trả số tiền 50.000.000đ buộc thực hiện biện pháp bảo đảm cho anh Q nhưng không tuyên hủy quyết định này sẽ ảnh hưởng đến việc thi hành án.

[4] Với những nhận định trên, tại phiên tòa phúc thẩm các bị đơn kháng cáo cũng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh nào khác cho yêu cầu của mình. Do đó, HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C về phần liên đới trả số tiền vốn và lãi cho ông Q là 1.020.750.000đ; chỉ chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các đương sự về phần hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số: 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

[5] Về án phí: Người kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí phúc thẩm theo quy định pháp luật.

Riêng ông C đã trên 60 tuổi, có đơn xin đơn xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông tương ứng số tiền 14.207.500đ; anh S và chị T phải liên đới chịu 28.415.000đ án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 357; Điều 430 và Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308; Điều 147; khoản 2 Điều 148; Điều 291 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C về hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P;

- Không chấp nhận kháng cáo của anh Nguyễn Thanh S, chị Trần Thị Bảo T và ông Nguyễn Minh C về thực hiện nghĩa vụ liên đới trả tiền.

Sửa bản án sơ thẩm số 393/2019/DS- ST ngày 14/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh An Giang:

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Ngọc Q đối với ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T về hợp đồng mua bán tài sản.

Buộc ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T cùng liên đới trả cho anh Trần Ngọc Q số tiền là 1.000.000.000đ và lãi chậm trả là 20.750.000 đồng, tổng cộng 1.020.750.000đ (một tỷ không trăm hai mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Hủy quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 16/2019/QĐ-KCTT, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P đối với tài sản của anh Nguyễn Thanh S.

Hủy quyết định buộc thực hiện biện pháp bảo đảm số 13/2019/QĐ-BPBD, ngày 03/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện P.

Hoàn trả cho anh Trần Ngọc Q số tiền 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng) buộc thực hiện biện pháp bảo đảm theo biên lai thu ngày 03/9/2019 của Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông Việt Nam – Chi nhánh P khi bản án có hiệu lực.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp mỗi người 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006285, 0006286 và 0006287, cùng ngày 22/11/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P, tỉnh An Giang.

- Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Minh C được miễn;

Anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T cùng liên đới chịu 28.415.000 đồng;

Anh Trần Ngọc Q không phải chịu án phí. Hoàn trả cho anh Trần Ngọc Q 21.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006115 ngày 03/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P.

Kể từ ngày anh Trần Ngọc Q có đơn yêu cầu thi hành án, mà ông Nguyễn Minh C, anh Nguyễn Thanh S và chị Trần Thị Bảo T không thi hành dứt điểm số tiền trên, thì còn phải trả thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:

- TAND cấp cao (1)
- VKSND tỉnh An Giang (1)
- TAND H. P(1)
- THA H. P (1)
- Tòa GD & NCTN (2)
- Văn phòng Tòa án tỉnh AG (1)
- Phòng KTNV & THA tỉnh AG (1)
- Dương sự “Đề thi hành” ;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lâm Ngọc Phụng

